

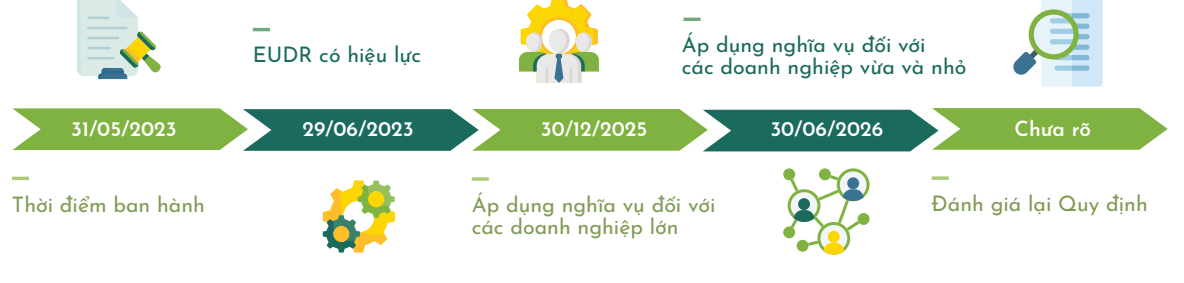
Tóm tắt hướng dẫn tuân thủ EUDR cho NGÀNH HÀNG GỖ VÀ SẢN PHẨM GỖ



Tóm tắt này được xây dựng dựa trên Hướng dẫn tạm thời ban hành theo Quyết định số 34/QĐ-LN-KH&HTQT của Cục Lâm nghiệp – Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (nay là Cục Lâm nghiệp và Kiểm lâm – Bộ Nông nghiệp và Môi trường) nhằm hỗ trợ ngành hàng gỗ và sản phẩm gỗ (bao gồm cả gỗ cao su và gỗ vườn rừng, cây phân tán) đáp ứng Quy định EUDR của Liên minh Châu Âu. Hướng dẫn đưa ra quy trình giúp doanh nghiệp từng bước chuẩn bị và thích ứng với các quy định của EUDR, đồng thời khuyến nghị các chủ thể trong chuỗi cung ngành gỗ chuẩn bị các bằng chứng để cung cấp cho khách hàng (là các nhà nhập khẩu vào EU) xây dựng và nộp Tuyên bố thẩm định (DDS) cho nhà chức trách EU.

1 EUDR là gì?

Quy định (EU) 2023/1115 của Nghị viện châu Âu và Hội đồng châu Âu, được ban hành ngày 31/5/2023, nhằm ngăn chặn việc tiêu thụ các sản phẩm liên quan đến mất rừng và suy thoái rừng sau ngày 31/12/2020 trên toàn cầu tại thị trường Liên minh châu Âu (gọi tắt là EUDR). Quy định này thay thế Quy định về gỗ vào EU (EUTR), yêu cầu đồng thời các sản phẩm gỗ và đồ gỗ phải được sản xuất hợp pháp, không gây mất rừng và truy xuất được đến tận lô khai thác.



Các yêu cầu của EUDR:

- Có nguồn gốc hợp pháp** tại nước sản xuất (tuân thủ pháp luật Việt Nam).
- Truy xuất được nguồn gốc** đến tận lô khai thác
- Sản phẩm không gây mất rừng và suy thoái rừng** sau ngày 31/12/2020.
- Trước khi nhập khẩu vào thị trường EU, nhà nhập khẩu tại EU phải nộp Tuyên bố thẩm định** (Due Diligence Statement).

Doanh nghiệp Việt Nam không phải khai báo trực tiếp trên hệ thống EU, nhưng cần cung cấp đầy đủ, thông tin, bằng chứng cho bên nhập khẩu khai báo và có trách nhiệm giải trình khi có yêu cầu.

2 Các bên tham gia chuỗi cung cần làm gì?



CÁC LOẠI GIẤY TỜ DOANH NGHIỆP CẦN CHUẨN BỊ				
Tài liệu pháp lý	Tài liệu về nguồn gốc gỗ	Tài liệu kỹ thuật	Cam kết	Tài liệu xuất/nhập khẩu
✓	✓	✓	✓	✓
✓	✓	✓	✓	✓
✓	✓	✓	✓	✓
✓	✓	✓	✓	✓
✓	✓	✓	✓	✓
✓	✓	✓	✓	✓

Thông tin cụ thể về các tài liệu như sau:
Hồ sơ phải được lưu trữ tối thiểu 5 năm và có thể bị kiểm tra bất cứ lúc nào bởi bên nhập khẩu, EU hoặc bên thứ ba.

- Tài liệu pháp lý:** Thông tin về nhân thân, đăng ký kinh doanh, giấy tờ về quyền sử dụng đất, giấy cam kết không tranh chấp (nếu có).
- Tài liệu về nguồn gốc gỗ:** Bảng kê lâm sản, hợp đồng mua bán, hóa đơn, chứng chỉ rừng bền vững và chứng chỉ chuỗi hành trình sản phẩm (nếu có).
- Cam kết:** Bản cam kết tuân thủ EUDR từ các bên liên quan trong chuỗi cung ứng.
- Tài liệu kỹ thuật:** Tọa độ địa lý (geojson) của lô rừng khai thác; lô đất, nhà máy, nơi phơi sấy gỗ hoặc tuyến vận xuất² (nếu gây mất rừng).
- Tài liệu xuất khẩu/nhập khẩu:** Hợp đồng ngoại thương, CO, tờ khai hải quan, vận đơn.

¹ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSDĐ), Quyết định giao đất theo Nghị định 02/CP, Hợp đồng giao khoán theo Nghị định 01/CP hoặc 168/2016/NĐ-CP, Hợp đồng thuê đất trồng rừng với tổ chức/cá nhân khác, Hợp đồng thuê đất, thuê nhà xưởng, thuê địa điểm kinh doanh, v.v., Giấy cam kết sản xuất hợp pháp, không tranh chấp có xác nhận của UBND cấp xã

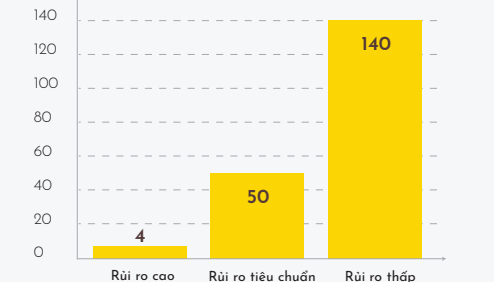
² Tọa độ điểm hoặc khép góc (polygon) đối với lô rừng/vườn (cao su) ≤ 4 ha, tọa độ khép góc đối với lô rừng/vườn > 4ha (bắt buộc)

3 Xếp hạng rủi ro

Ủy ban châu Âu phân loại các quốc gia theo ba mức rủi ro: Rủi ro thấp, rủi ro tiêu chuẩn, rủi ro cao			
Yếu tố	Rủi ro thấp	Rủi ro tiêu chuẩn	Rủi ro cao
Tuyên bố thẩm định			
Nộp Báo cáo thẩm định	Có	Có	Có
Đánh giá rủi ro	Không cần	Bắt buộc	Bắt buộc
Giảm thiểu rủi ro	Không cần	Bắt buộc nếu có rủi ro tồn tại	Bắt buộc nếu có rủi ro tồn tại
Chuỗi sản xuất hợp pháp			
Thu thập thông tin về sản phẩm & chuỗi cung ứng	Bắt buộc	Bắt buộc	Bắt buộc
Truy xuất đến tận lô khai thác			
Tọa độ địa lý của lô trồng /khai thác	Bắt buộc	Bắt buộc	Bắt buộc
Biện pháp đảm bảo của EUDR			
Tỷ lệ kiểm tra của EU*	~1%	~3%	~9%
Giám sát từ phía EU	Tối thiểu	Trung bình	Rất cao
Nguy cơ bị điều tra	Thấp	Trung bình	Cao

*Tỷ lệ kiểm tra: số lượng nhà nhập khẩu hoặc phân phối sản phẩm liên quan trên thị trường, và tổng lượng hàng hóa liên quan

Ngày 22/5/2025, Ủy ban châu Âu đã công bố kết quả phân loại mức độ rủi ro của các quốc gia theo EUDR. Với những nỗ lực đồng bộ từ Chính phủ đến doanh nghiệp, Việt Nam được xếp vào nhóm "rủi ro thấp", đồng nghĩa với việc gỗ và sản phẩm gỗ Việt Nam xuất khẩu sang EU sẽ chỉ cần thực hiện quy trình thẩm định đơn giản hơn, với tỷ lệ kiểm tra hậu kiểm chỉ 1%.



4 Đánh giá và giảm thiểu rủi ro

Để đảm bảo các thông tin, bằng chứng đáp ứng được quy định của EUDR, trước khi cung cấp cho nhà nhập khẩu EU, doanh nghiệp xuất khẩu nên thực hiện đánh giá rủi ro trên toàn chuỗi cung ứng và áp dụng các biện pháp giảm thiểu rủi ro (nếu cần), bao gồm:

- Rủi ro về mất rừng/suy thoái rừng**
 - Gỗ được khai thác từ khu vực rừng từng xây ra mất rừng hoặc không có dữ liệu lịch sử rõ ràng
 - Gỗ nhập khẩu từ quốc gia hoặc vùng địa lý không thuộc danh sách vùng địa lý tích cực theo quy định tại Nghị định 102/2020/NĐ-CP (được sửa đổi bổ sung tại Nghị định số 120/2024/NĐ-CP)
 - Gỗ thuộc danh mục loại gỗ rủi ro theo quy định pháp luật Việt Nam
 - Không có hồ sơ truy xuất nguồn gốc rõ ràng hoặc thiếu thông tin tọa độ địa lý lô trồng.
 - Gỗ tái chế không rõ nguồn gốc
- Rủi ro về tuân thủ pháp luật**
 - Hồ sơ đất đai thiếu minh bạch.
 - Không hoàn thành nghĩa vụ tài chính.
 - Không đảm bảo pháp lý về lao động, môi trường, an toàn, quyền cộng đồng.
 - Hệ thống cơ sở chế biến như xưởng xẻ, kho bãi, vận chuyển không được đăng ký hoặc hoạt động không đúng quy định pháp luật hiện hành.
- Biện pháp giảm thiểu rủi ro**
 - Thu thập bổ sung chứng từ pháp lý;
 - Bổ sung thông tin về bản đồ rừng và tọa độ địa lý lô trồng.
 - Kiểm tra chéo hợp đồng, hóa đơn, chứng từ.
 - Thay đổi nhà cung cấp nếu không cung cấp đầy đủ hồ sơ.
 - Tăng cường giám sát, kiểm tra nội bộ hoặc thuê kiểm toán độc lập.

5 Các văn bản pháp luật liên quan

Một số văn bản pháp luật của Việt Nam doanh nghiệp nên tham khảo và tuân thủ để đảm bảo đáp ứng đầy đủ các yêu cầu của EUDR, bao gồm:

- 5.1. Các văn bản pháp luật chuyên ngành lâm nghiệp:**
 - Luật Lâm nghiệp năm 2017
 - Nghị định số 102/2020/NĐ-CP về hệ thống bảo đảm gỗ hợp pháp Việt Nam
 - Nghị định số 120/2024/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung Nghị định 102/2020/NĐ-CP
 - Thông tư số 26/2025/TT-BNNMT về quản lý lâm sản; xử lý lâm sản, thủy sản là tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân
 - Thông tư số 28/2018/TT-BNNPTNT về quản lý rừng bền vững
 - Thông tư số 13/2023/TT-BNNPTNT sửa đổi Thông tư số 28/2018/TT-BNNPTNT.
- 5.2. Các quy định pháp luật liên quan đến đất đai và sử dụng đất lâm nghiệp:**
 - Luật Đất đai hiện hành và các văn bản hướng dẫn
 - Nghị định số 02/CP (1994) về giao đất lâm nghiệp cho hộ, tổ chức
 - Nghị định số 01/CP (1995) về giao khoán đất trong doanh nghiệp nhà nước
 - Nghị định số 168/2016/NĐ-CP về khoán rừng, vườn cây và diện tích mặt nước
 - Các hợp đồng khoán, liên doanh, liên kết hoặc tài liệu khác...
- 5.3. Các quy định pháp luật khác có liên quan:**
 - Luật Bảo vệ môi trường 2022
 - Luật Đa dạng sinh học 2008
 - Biện pháp Lao động 2019
 - Luật Trẻ em 2016
 - Luật Hải quan 2014
 - Các quy định về thuế, phòng cháy chữa cháy, an toàn lao động, thương mại, xuất nhập khẩu, quyền của người lao động, quyền cộng đồng...

6 Thông tin liên hệ

CỤC LÂM NGHIỆP VÀ KIỂM LÂM - BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG
Website: <https://vnforest.gov.vn/>
Email: cuclamnghep@mae.gov.vn

With support from



¹ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSDĐ), Quyết định giao đất theo Nghị định 02/CP, Hợp đồng giao khoán theo Nghị định 01/CP hoặc 168/2016/NĐ-CP, Hợp đồng thuê đất trồng rừng với tổ chức/cá nhân khác, Hợp đồng thuê đất, thuê nhà xưởng, thuê địa điểm kinh doanh, v.v., Giấy cam kết sản xuất hợp pháp, không tranh chấp có xác nhận của UBND cấp xã

² Tọa độ điểm hoặc khép góc (polygon) đối với lô rừng/vườn (cao su) ≤ 4 ha, tọa độ khép góc đối với lô rừng/vườn > 4ha (bắt buộc)